

Ngày 31/12/2025	17,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.0%	0.6%	-5.6%

2025	
ROE	14.7%
	+/- YoY ▲ 1.4%

Q4/25			
DT thuần	99.0	QoQ ▼ 46.0 ▼ 31.7%	YoY ▼ 19.0 ▼ 16.1%
	tỷ VNĐ		

2025	
DT thuần	418
	YoY ▲ 57.0 ▲ 15.9%
	tỷ VNĐ

Q4/25			
LN gộp	27.7	QoQ ▼ 8.30 ▼ 23.1%	YoY ▼ 3.70 ▼ 11.8%
	tỷ VNĐ		

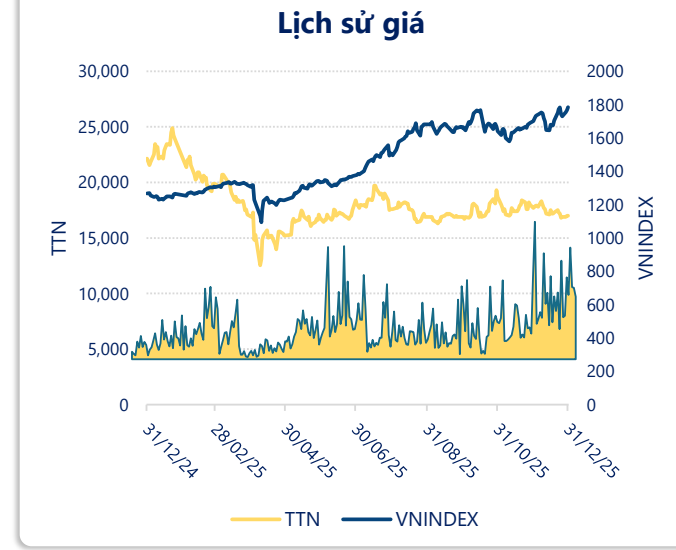
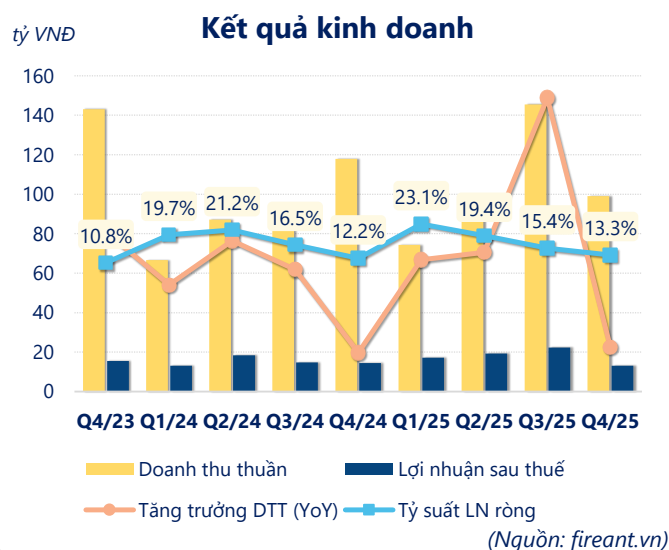
2025	
LN gộp	127
	YoY ▲ 7.00 ▲ 6.0%
	tỷ VNĐ

Q4/25			
LN thuần	15.9	QoQ ▼ 11.7 ▼ 42.4%	YoY ▼ 1.30 ▼ 7.6%
	tỷ VNĐ		

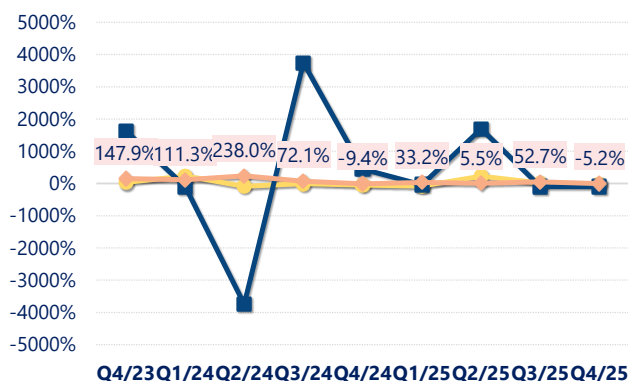
2025	
LN thuần	88.7
	YoY ▲ 14.8 ▲ 20.0%
	tỷ VNĐ

Q4/25			
LN sau thuế	13.2	QoQ ▼ 9.10 ▼ 41.0%	YoY ▼ 1.20 ▼ 8.7%
	tỷ VNĐ		

2025	
LN sau thuế	71.9
	YoY ▲ 10.8 ▲ 17.8%
	tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

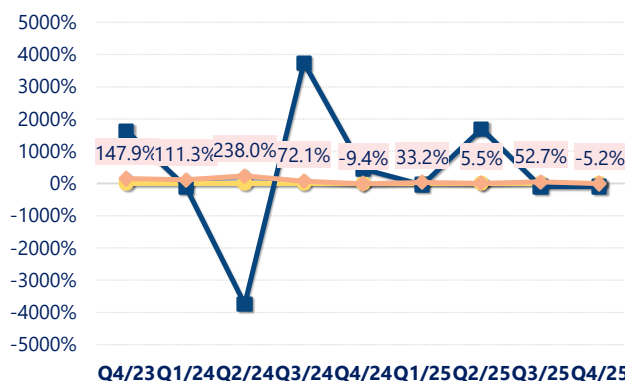


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

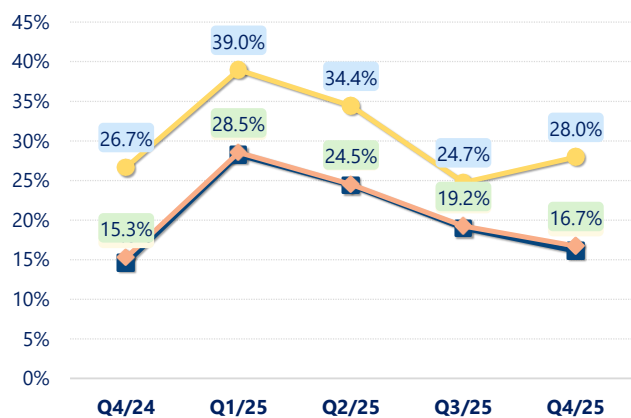


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

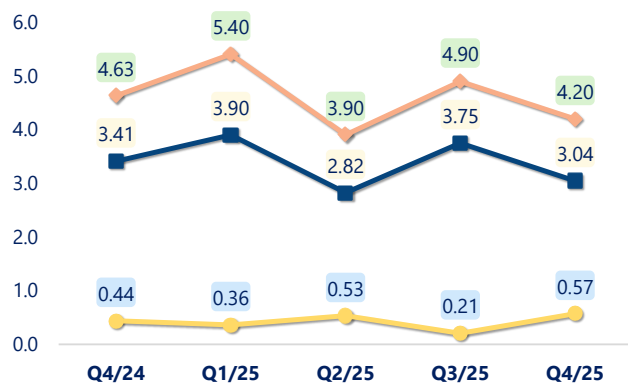


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

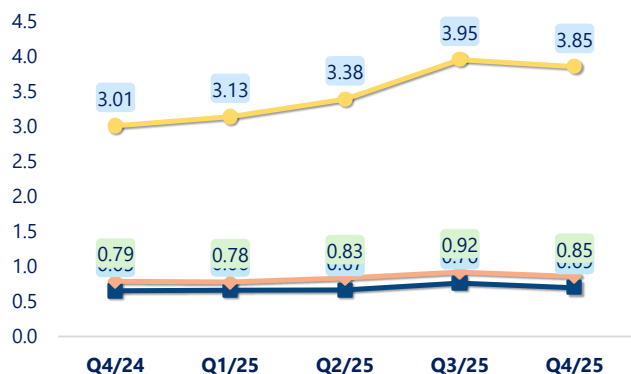


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

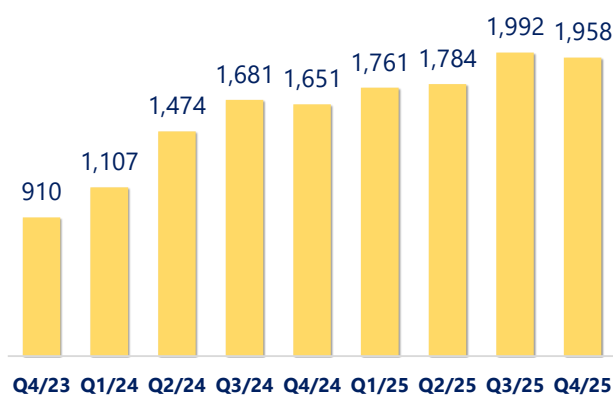


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	99.0	118	-16.1%	418	361	15.9%
Giá vốn hàng bán	71.3	86.4	-17.5%	291	241	20.9%
Lợi nhuận gộp	27.7	31.4	-11.8%	127	120	6.0%
Doanh thu HĐTC	2.50	1.76	41.9%	9.10	5.92	53.8%
Chi phí TC	0.01	0.00		0.01	0.00	554%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	5.89	6.19	-4.8%	18.2	18.3	-0.8%
Chi phí QLDN	8.38	9.83	-14.8%	29.1	33.4	-12.9%
LN thuần từ HĐKD	15.9	17.2	-7.6%	88.7	73.9	20.0%
Lợi nhuận khác	0.64	0.82	-22.2%	1.36	2.07	-34.4%
LN trước thuế	16.5	18.0	-8.1%	90.1	76.0	18.5%
Lợi nhuận sau thuế	13.2	14.4	-8.7%	71.9	61.1	17.8%
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	14.4	-8.7%	71.9	61.1	17.8%

(Nguồn: fireant.vn)

